

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 351 - HDBT ngày 2-10-1990 quy định chi tiết thi hành Luật thuế doanh thu.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật thuế doanh thu;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Nhà nước số 270 B-NQ/HĐNN 8 ngày 8 tháng 8 năm 1990 về việc công bố và thi hành Luật thuế doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế lợi tức,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ DOANH THU

Điều 1. — Đối tượng nộp thuế doanh thu bao gồm các tổ chức, cá nhân kinh doanh có doanh thu (gọi chung là cơ sở kinh doanh) thuộc mọi ngành nghề, mọi thành phần kinh tế, mọi hình thức hoạt động có địa điểm kinh doanh cố định hay lưu động, hoạt động thường xuyên hoặc không thường xuyên trên lãnh thổ Việt Nam được quy định tại điều 1 Luật thuế doanh thu.

Điều 2. — Những hoạt động sau đây không thuộc diện chịu thuế doanh thu:

1. Sản xuất nông nghiệp thuộc diện chịu thuế nông nghiệp.
2. Sản xuất hàng hóa thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.
3. Sản xuất hàng hóa thực tế xuất khẩu.

Chương II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ BIỂU THUẾ DOANH THU

Điều 3. — Doanh thu tính thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền dịch vụ trong kỳ nộp thuế sau khi thực hiện việc bán hàng, trả hàng gia công hoặc cung ứng dịch vụ theo quy định tại điều 8 Luật thuế doanh thu, chưa trừ một khoản phí tổn nào; không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

1. Đối với hoạt động sản xuất, chế biến, lắp ráp (bao gồm cả công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp), khai thác khoáng sản, lâm sản, thủy sản là tiền bán sản phẩm, nửa thành phẩm, phế phẩm, bao bì, nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, động lực, tài sản cố định chưa thanh lý.

2. Đối với hoạt động xây dựng là tiền phải trả về công trình hoặc hạng mục công trình hoàn thành bàn giao, tiền sửa chữa, dịch vụ xây dựng.

3. Đối với hoạt động vận tải là tiền cước phí vận chuyển hàng hóa, hành khách, hành lý và các khoản thu khác được quy định đối với ngành vận tải.

4. Đối với hoạt động thương nghiệp, ăn uống là tiền bán hàng kể cả hàng tự chế biến.

5. Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ là tiền thu về dịch vụ, bao gồm tiền công, tiền nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế (nếu có) và các khoản chi phí khác cho hoạt động dịch vụ.

a) Đối với hoạt động kinh doanh bưu điện là tiền cước phí bưu điện (kể cả tiền bán tem) và doanh thu về các hoạt động sản xuất dịch vụ khác.

b) Đối với hoạt động tín dụng, Ngân hàng là toàn bộ số tiền lãi do người vay trả và toàn bộ các khoản thu về kinh doanh khác như thu về dịch vụ thanh toán qua Ngân hàng, bán cầm đồ, chế biến vàng bạc, đồ trang sức, v.v...

c) Đối với hoạt động cho thuê tài sản là tiền thu về cho thuê tài sản.

6. Đối với cơ sở sản xuất và dịch vụ của nhà trường hoặc các đơn vị giáo dục, đào tạo khác có tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ ra ngoài phạm vi của các đơn vị này thì vẫn phải nộp thuế doanh thu theo chế độ chung và các thuế suất cụ thể đối với từng ngành nghề sản xuất hay dịch vụ.

Đối với các trường có nhu cầu đầu tư để tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị giảng dạy hoặc học tập của trường thì phải có phương án và ghi vào kế hoạch của ngành hoặc của địa phương; cơ quan tài chính xem xét và cấp lại cho trường từ ngân sách Nhà nước.

7. Đối với doanh thu nhận bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thu ngoại tệ; trường hợp ngoại tệ không được Ngân hàng công bố tỷ giá, thì phải quy đổi theo tỷ giá do Bộ Tài chính quy định.

Điều 4. — Căn cứ điều 9 Luật thuế doanh thu, Hội đồng Bộ trưởng giao Bộ Tài chính chi tiết hóa biểu thuế đính kèm Luật thuế doanh thu.

Trường hợp cơ sở sản xuất vừa chịu thuế suất theo ngành nghề, theo nguyên liệu, vừa chịu thuế suất theo công dụng thì được áp dụng thuế suất theo công dụng.

Điều 5. — Các cơ sở kinh doanh hoạt động trong nhiều ngành nghề chịu thuế suất thuế doanh thu khác nhau thì nộp thuế doanh thu theo thuế suất đối với từng ngành nghề. Nếu cơ sở không hạch toán riêng được doanh thu đối với từng ngành nghề thì áp dụng thuế suất cao nhất đối với ngành nghề có kinh doanh.

Chương III

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI, NỘP THUẾ DOANH THU

Điều 6. — Cơ sở kinh doanh phải kê khai đăng ký với cơ quan thuế tại nơi

kinh doanh theo quy định trong khoản 1, Điều 10 Luật thuế doanh thu.

Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về nội dung và thủ tục kê khai đăng ký.

Điều 7. — Cơ sở kinh doanh phải thực hiện nghiêm chỉnh chế độ sổ sách kế toán theo Pháp lệnh kế toán và thống kê ban hành ngày 10 tháng 5 năm 1988; chế độ lập chứng từ mua bán hàng, cung ứng dịch vụ thu tiền theo các quy định hiện hành.

Điều 8. — Bộ Tài chính thống nhất phát hành hóa đơn sử dụng cho các cơ sở kinh doanh trong cả nước.

Điều 9. — Khi cơ quan thuế có yêu cầu về tài liệu có liên quan đến việc kiểm tra tính thuế doanh thu, cơ sở kinh doanh có nhiệm vụ:

1. Nộp đủ, đúng hạn các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan thuế;

2. Giải thích, chứng minh các khoản chưa rõ trong tờ khai hoặc sổ sách kế toán, chứng từ hóa đơn.

Cơ sở kinh doanh không được viện lý do bí mật nghề nghiệp để từ chối xuất trình, cung cấp hoặc giải thích các tài liệu cần thiết nói trên theo yêu cầu của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế phải giữ bí mật về những tài liệu do cơ sở kinh doanh cung cấp.

Điều 10. — Thuế doanh thu được nộp theo định kỳ hoặc nộp hàng tháng theo thời hạn quy định của cơ quan thuế cho từng cơ sở; nhưng thời gian quy định nộp thuế của tháng trước chậm nhất không quá ngày 15 tháng sau.

Những hộ kinh doanh nhỏ nộp thuế doanh thu hàng tháng vào những ngày cuối tháng theo quy định của cơ quan thuế.

Điều 11. — Đối với cơ sở kinh doanh có địa điểm cố định thuộc ngành thương nghiệp, đem bán hàng ngoài khu vực được phép kinh doanh đã nộp thuế về hoạt

động buôn chuyển thì phần doanh thu đã nộp thuế này không phải nộp thuế doanh thu ở cơ sở kinh doanh cố định.

Chương IV

GIẢM THUẾ — MIỄN THUẾ

Điều 12. — Những trường hợp sau đây được xét giảm hoặc miễn thuế doanh thu:

1. Những người già yếu, tàn tật hoặc người kinh doanh lặt vặt có thu nhập hàng tháng thấp, dưới mức lương và phụ cấp tối thiểu của cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước thì được cơ quan thuế huyện hoặc cấp tương đương xét miễn thuế doanh thu.

2. Cơ sở kinh doanh có khó khăn do thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ được xét giảm, miễn thuế doanh thu như sau:

a) Nếu giá trị thiệt hại từ 20% đến 50% doanh thu chịu thuế trong năm thì do cơ quan thuế tỉnh hoặc cấp tương đương xét giảm thuế doanh thu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ thiệt hại.

b) Nếu giá trị thiệt hại trên 50% doanh thu chịu thuế trong năm thì do Tổng cục thuế xét giảm hoặc miễn.

Điều 13. — Tạm thời chưa thu thuế doanh thu đối với các hoạt động in báo Nhân dân, báo Quân đội Nhân dân, báo, tạp chí chuyên ngành; các đoàn văn công truyền thống về tuồng, chèo, múa rối, ca nhạc dân tộc, giao hưởng trực thuộc Bộ Văn hóa — Thông tin — Thể thao và Du lịch; phát sóng truyền thanh, truyền hình theo chương trình kế hoạch Nhà nước; hoạt động máy kéo phục vụ sản xuất nông nghiệp; các hoạt động phục vụ bữa ăn hàng ngày trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang.

Ủy ban Nhân dân các tỉnh xem xét và quyết định việc giảm, miễn thuế đối với

một số ngành nghề quan trọng thuộc địa phương quản lý ở các vùng miền núi có khó khăn mà Nhà nước phải trợ giá để duy trì hoạt động bình thường.

Bộ Tài chính quy định việc xét giảm hoặc miễn thuế doanh thu đối với các Viện, Trạm, Trại nghiên cứu thí nghiệm, thực nghiệm có bán sản phẩm về đề tài nghiên cứu để giảm bớt kinh phí nghiên cứu khoa học.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 14. — Hội đồng Bộ trưởng có quy định riêng về chế độ khen thưởng đối với cơ quan thuế, cán bộ thuế hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và người có công phát hiện các vụ vi phạm Luật thuế doanh thu.

Điều 15. — Những quy định về thuế doanh nghiệp, thuế buôn chuyển, chế độ thu quốc doanh trước đây đều bãi bỏ.

Điều 16. — Luật thuế doanh thu có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 1990 đối với kinh tế ngoài quốc doanh, các xí nghiệp quốc doanh đã thực hiện bàn giao xong vốn, tài sản.

Xí nghiệp quốc doanh chưa thực hiện bàn giao xong vốn, tài sản được tiếp tục áp dụng chế độ nộp thu quốc doanh, trích nộp lợi nhuận cho đến khi thực hiện bàn giao xong vốn, tài sản nhưng chậm nhất không quá ngày 31 tháng 12 năm 1990.

Điều 17. — Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT